

Số: 108/BC-**THCSTAH**

Củ Chi, ngày 05 tháng 5 năm 2025

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
ĐÁNH GIÁ VIỆC TRIỂN KHAI ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH,
SÁCH GIÁO KHOA GIÁO DỤC PHỔ THÔNG****I. KHÁI QUÁT CHUNG****1. Bối cảnh và yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông**

Nghị quyết 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về việc thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28.11.2014 của Quốc hội nêu rõ, *đổi mới chương trình - sách giáo khoa* giáo dục phổ thông nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả giáo dục phổ thông. Ngày 27 tháng 3 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 404/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông.

2. Đặc điểm, tình hình giáo dục và đào tạo (*khái quát đặc điểm nổi bật về địa giới, tổ chức hành chính, quy mô trường lớp, tổng số học sinh; đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục*).

Trường THCS Tân An Hội, địa chỉ: đường Bàu Tre, ấp Mũi lớn 2, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Hồ Chí Minh.

Học sinh: năm học 2024-2025 tổng số học sinh 1187/29 lớp.

+ Khối 6: 08 lớp = 315 HS; Khối 7: 08 lớp = 334 HS;

+ Khối 8: 08 lớp = 3 HS; Khối 9: 05 lớp = 221 HS.

Đội ngũ: Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên: 57 trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 03; giáo viên: 46; nhân viên: 08

+ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ: 06; Đại học: 43; Cao đẳng: 02; trung cấp 2; khác: 04

3. Nhận xét chung về sự biến động về số lớp, số giáo viên, học sinh theo từ năm học 2020-2021 đến hết năm học 2024-2025.

3.1. Giáo viên

TT	Số liệu	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Năm học 2024 – 2025

1	Tổng số giáo viên	43	45	43	43	46
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	1,5	1,6	1,5	1,5	1,6
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04

3.2. Học sinh

TT	Số liệu	Năm học 2020 – 2021	Năm học 2021 – 2022	Năm học 2022 – 2023	Năm học 2023 – 2024	Năm học 2024 – 2025	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1.198	1.133	1.117	1.162	1.187	
	- Khối lớp 6	302	236	320	340	315	
	- Khối lớp 7	292	294	234	320	334	
	- Khối lớp 8	328	282	286	228	3	
	- Khối lớp 9	276	321	277	274	221	
2	Học 2 buổi/ngày	1.198	1.133	1.117	1.162	1.187	

4. Thuận lợi, khó khăn: (về kinh tế, chính trị, xã hội; giáo dục và đào tạo, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục).

- Việc triển khai học tập và thực hiện nghị quyết của Đảng một cách sâu rộng, kịp thời đã góp phần quan trọng tạo nên sự phát triển đúng đắn của đơn vị.

- Chi bộ nhà trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Đảng uỷ xã Tân An Hội, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Củ Chi.

- Chi bộ nhà trường có kế hoạch hoạt động cụ thể, phù hợp đổi mới trong công tác nhằm thực hiện tốt mục tiêu giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục.

- Đội ngũ đảng viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt chuẩn là 26/26 tỉ lệ 100%.

- Tập thể Hội đồng sư phạm luôn đoàn kết, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, phát huy vai trò nhiệm vụ của giáo viên, chấp hành nghiêm chỉnh đường lối chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước.

- Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn nghiệp vụ đạt chuẩn là 49/49 tỉ lệ 100%.

- Các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân địa phương đã tích cực hỗ trợ, động viên tinh thần học tập, lao động, thúc đẩy mạnh mẽ quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục ở nhà trường.

- Nhà trường có khuôn viên khang trang, sạch đẹp; Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng được nhu cầu hoạt động giáo dục trong nhà trường, nhất là thực hiện Chương trình GDPT 2018.

a. Khó khăn:

- Năm học 2021-2022 là năm học đầu tiên thực hiện chương trình GDPT 2018 trong tình hình ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp phần nào đã ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện chương trình GDPT 2018 trong nhà trường.

- Đa số học sinh là con em gia đình công nhân, dân lao động nhập cư, nên ít quan tâm đến việc học tập của con em cũng như phần lớn học sinh chưa có ý thức học tập. Vì vậy, nhà trường gặp khó khăn trong việc duy trì sĩ số và nâng cao chất lượng học tập của học sinh đối với chương trình GDPT 2018, nhất là kết quả thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT.

- Một số môn học mới, giáo viên chưa được đào tạo chính quy, bài bản; việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng còn ngắn, kinh nghiệm giảng dạy chưa có nhiều, mặc dù nhà trường được giao chủ động lựa chọn các hình thức tổ chức cụ thể phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương, tuy nhiên không tránh khỏi những lúng túng, khó khăn trong thực hiện.

II. NỘI DUNG

1. Công tác chỉ đạo

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện đổi mới CT, SGK của trường (*thống kê đầy đủ các văn bản*).

TT	Nội dung	Tên và số văn bản, ngày
1	Kế hoạch Tổ chức lựa chọn sách giáo khoa lớp 6 năm học 2021 – 2022	Kế hoạch số 169/KH-THCSTAH, ngày 07 tháng 9 năm 2021.
2	Quyết định thành lập hội đồng chọn sách giáo khoa lớp 6 năm học 2021 – 2022.	Quyết định số 30/QĐ-THCSTAH ngày 01 tháng 3 năm 2021.
3	Kế hoạch Tổ chức lựa chọn sách giáo khoa 7 năm học 2022 – 2023.	Kế hoạch số 59/KH-THCSTAH ngày 19 tháng 3 năm 2022.
4	Quyết định thành lập hội đồng chọn sách giáo khoa lớp 7 năm học 2022 – 2023.	Quyết định số 27/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 3 năm 2022
5	Kế hoạch Tổ chức lựa chọn sách giáo khoa 8 năm học 2023	Kế hoạch số 27/KH-THCSTAH ngày 30 tháng 01 năm 2023.

	– 2024.	
6	Quyết định thành lập hội đồng chọn sách giáo khoa lớp 8 năm học 2023 – 2024.	Quyết định số 06/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 01 năm 2023.
7	Kế hoạch Tổ chức lựa chọn sách giáo khoa 9 năm học 2023 – 2024.	Kế hoạch số 49/KH-THCSTAH ngày 8 tháng 03 năm 2024.
8	Quyết định thành lập hội đồng chọn sách giáo khoa lớp 9 năm học 2024 – 2025.	Quyết định số 23/QĐ-BGDĐT ngày 08 tháng 3 năm 2024.

Bảng 1. Bảng thống kê các văn bản

– Công tác tổ chức tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý về CT, SGK:

+ Tổ chức cho tổ chuyên môn và giáo viên nghiên cứu các văn bản quy định: Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông; Căn cứ Quyết định số 365/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh; Căn cứ Công văn số 1086/SGDĐT-GDTrH ngày 01 tháng 03 năm 2024 của Sở Giáo dục đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai giới thiệu sách giáo khoa lớp 9, 12 đối với giáo dục thường xuyên; các Hướng dẫn của Sở GD&ĐT và Phòng GD&ĐT.

+ Phân công nhiệm vụ Nghiên cứu các đầu sách của các nhà xuất bản (SGK Cánh diều, SGK Kết nối tri thức với cuộc sống, SGK Chân trời sáng tạo) TTCM/NTBM cùng GVBM các tổ/nhóm bộ môn. Riêng môn HĐTNHN tất cả GV đều tham dự cùng tổng phụ trách đội và Phó hiệu trưởng.

+ Lãnh đạo nhà trường xây dựng kế hoạch, phân công và triển khai các văn bản, tổ chức cho Tổ trưởng chuyên môn; Nhóm trưởng phụ trách bộ môn và giáo viên nghiên cứu nội dung sách giáo khoa lớp trước.

+ Các tổ, nhóm chuyên môn tổ chức thảo luận, lấy ý kiến thống nhất biên bản lựa chọn sách giáo khoa lớp.

– Công tác chuẩn bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, SGK, tài liệu giáo dục địa phương:

Bước 1. Hiệu trưởng nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức lựa chọn sách giáo khoa của đơn vị; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng.

Bước 2. Tổ chức lựa chọn sách giáo khoa tại tổ chuyên môn.

a. Căn cứ vào kế hoạch của Hội đồng và tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa, tổ trưởng tổ chuyên/nhóm trưởng bộ môn xây dựng kế hoạch tổ chức lựa chọn sách

giáo khoa cho từng môn học được cơ cấu trong tổ chuyên môn, báo cáo hiệu trưởng trước khi thực hiện;

b. Tổ chức cho toàn bộ giáo viên môn học của trường (bao gồm giáo viên biên chế, hợp đồng, thỉnh giảng, dạy liên trường) tham gia lựa chọn sách giáo khoa của môn học đó;

c. Chậm nhất 20 ngày trước phiên họp đầu tiên của tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ chuyên môn tổ chức cho giáo viên môn học nghiên cứu các sách giáo khoa của môn học (các bản sách giáo khoa điện tử và tài liệu giới thiệu sách giáo khoa đã được nhà xuất bản công khai được tổng hợp và đăng trên trang thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo tại: <https://gdtrunghoc.hcm.edu.vn/sach-giao-khoa/c/42181>), viết phiếu nhận xét, đánh giá các sách giáo khoa môn học theo các tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa;

d. Tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn tổ chức họp với các giáo viên môn học để thảo luận, bỏ phiếu lựa chọn 01 (một) sách giáo khoa cho môn học đó. Trường hợp môn học chỉ có 01 sách giáo khoa được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định phê duyệt thì tổ chuyên môn lựa chọn sách giáo khoa trong quyết định, không cần bỏ phiếu.

Sách giáo khoa được lựa chọn bảo đảm có từ 1/2 (một phần hai) số giáo viên môn học trở lên bỏ phiếu lựa chọn. Trường hợp không có sách giáo khoa nào đạt từ 1/2 (một phần hai) số giáo viên môn học trở lên bỏ phiếu lựa chọn thì tổ chuyên môn phải thảo luận, bỏ phiếu lựa chọn lại; sách giáo khoa được lựa chọn là sách giáo khoa có số giáo viên môn học bỏ phiếu lựa chọn cao nhất trong lần bỏ phiếu thứ hai. Trong cả 02 (hai) lần bỏ phiếu, nếu có từ 02 (hai) sách giáo khoa có số giáo viên môn học bỏ phiếu lựa chọn cao nhất bằng nhau thì tổ trưởng tổ chuyên môn quyết định lựa chọn một trong số sách giáo khoa có số giáo viên môn học bỏ phiếu lựa chọn cao nhất.

Các cuộc họp của tổ chuyên môn được lập thành biên bản, ghi đầy đủ ý kiến nhận xét, đánh giá sách giáo khoa của các giáo viên môn học tham gia lựa chọn, biên bản có chữ ký của tổ trưởng tổ chuyên môn và người được phân công lập biên bản;

đ. Tổ trưởng tổ chuyên môn tổng hợp kết quả, lập danh mục sách giáo khoa do tổ chuyên môn lựa chọn có chữ ký của tổ trưởng tổ chuyên môn và người được phân công lập danh mục sách giáo khoa.

Bước 3. Hội đồng họp, thảo luận, đánh giá việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa của các tổ chuyên môn; thẩm định biên bản họp của tổ chuyên môn; các phiếu nhận xét, đánh giá sách giáo khoa của giáo viên theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT; tổng hợp kết quả lựa chọn sách giáo khoa của các tổ chuyên môn thành biên bản (gồm các nội dung: nhận xét, đánh giá

về việc tổ chức lựa chọn sách giáo khoa của các tổ chuyên môn; danh mục sách giáo khoa được lựa chọn của các tổ chuyên môn), biên bản có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

Bước 4. Hội đồng đề xuất với người đứng đầu danh mục sách giáo khoa đã được các tổ chuyên môn lựa chọn đúng theo quy định tại Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT.

Bước 5. Hiệu trưởng lập hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện 2 bộ (2 cuốn), đồng thời thực hiện lưu trữ tại cơ sở giáo dục. Số hóa hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa gửi trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Sở Giáo dục và Đào tạo đồng thời cập nhật danh mục sách giáo khoa, hồ sơ trên trang quản lý Chuyên môn giáo dục Trung học <https://quanly.hcm.edu.vn> mục Hoạt động đơn vị/Sách giáo khoa. Thời gian thực hiện: trước tháng 4 hàng năm.

* Riêng tài liệu giáo dục địa phương:

Thực hiện và sử dụng tài liệu của Sở GDĐT Thành phố Hồ Chí Minh cho 4 khối 6,7,8,9.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai tại đơn vị:

Hiệu trưởng chỉ đạo, thực hiện hồ sơ gồm:

- + Quyết định thành lập Hội đồng của cơ sở giáo dục;
- + Biên bản họp Hội đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Thông tư số 27/2023/TT-BGDĐT;
- + Danh mục sách giáo khoa được lựa chọn của cơ sở giáo dục.

STT	Tên sách xếp theo thứ tự môn học lớp 9
1.	Ngữ văn 9, tập một - Ngữ văn 9, tập hai (Chân trời sáng tạo)
2.	Toán 9, tập một - Toán 9, tập hai (Chân trời sáng tạo)
3.	Tiếng Anh 9 i-Learn Smart World (Đại Trường Phát)
4.	Khoa học tự nhiên 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
5.	Lịch sử và Địa lí 9 (Chân trời sáng tạo)
6.	Giáo dục công dân 9 (Chân trời sáng tạo)
7.	Âm nhạc 9 (Chân trời sáng tạo)
8.	Mĩ Thuật 9 Kết nối tri thức với cuộc sống
9.	Tin học 9 (Chân trời sáng tạo)
10.	Công nghệ 9 (Chân trời sáng tạo)
11.	Giáo dục thể chất 9 (Chân trời sáng tạo)
12.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 (Chân trời sáng tạo 1)

STT	Tên sách xếp theo thứ tự môn học
1.	Ngữ văn 8, tập một - Ngữ văn 8, tập hai (Chân trời sáng tạo)
2.	Toán 8, tập một - Toán 8, tập hai (Chân trời sáng tạo)
3.	Tiếng Anh 8 i-Learn Smart World
4.	Khoa học tự nhiên 8 Kết nối tri thức
5.	Lịch sử và Địa lí 8 (Chân trời sáng tạo)
6.	Giáo dục công dân 8 (Chân trời sáng tạo)
7.	Âm nhạc 8 (Chân trời sáng tạo)
8.	Mĩ Thuật 8 (Chân trời sáng tạo 1) 10
9.	Tin học 8 (Chân trời sáng tạo)
10.	Công nghệ 8 (Chân trời sáng tạo)
11.	Giáo dục thể chất 8 (Kết nối tri thức và cuộc sống)
12.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8 (Chân trời sáng tạo 1)
STT	Tên sách xếp theo thứ tự môn học lớp 7
1.	Ngữ văn 7, tập một - Ngữ văn 7, tập hai (Chân trời sáng tạo)
2.	Toán 7, tập một - Toán 7, tập hai (Chân trời sáng tạo)
3.	Tiếng Anh 7 i-Learn Smart World
4.	Khoa học tự nhiên 7 (Chân trời sáng tạo)
5.	Lịch sử và Địa lí 7 (Chân trời sáng tạo)
6.	Giáo dục công dân 7 (Chân trời sáng tạo)
7.	Âm nhạc 7 (Chân trời sáng tạo)
8.	Mĩ Thuật 7 (Chân trời sáng tạo 1)
9.	Tin học 7 (Chân trời sáng tạo)
10.	Công nghệ 7 (Chân trời sáng tạo)
11.	Giáo dục thể chất 7 (Chân trời sáng tạo)
12.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (Chân trời sáng tạo 1)

STT	Tên sách xếp theo thứ tự môn học lớp 6
1.	Ngữ văn 6, tập một - Ngữ văn 6, tập hai (Chân trời sáng tạo)
2.	Toán 6, tập một - Toán 6, tập hai (Chân trời sáng tạo)
3.	Tiếng Anh 6 i-Learn Smart World
4.	Khoa học tự nhiên 6 (Chân trời sáng tạo)
5.	Lịch sử và Địa lí 6 (Chân trời sáng tạo)
6.	Giáo dục công dân 6 (Chân trời sáng tạo)
7.	Âm nhạc 6 (Chân trời sáng tạo)
8.	Mĩ Thuật 6 (Chân trời sáng tạo 1)
9.	Tin học 6 (Cánh diều)
10.	Công nghệ 6 (Chân trời sáng tạo)

11.	Giáo dục thể chất 6 (Chân trời sáng tạo)
12.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6 (Chân trời sáng tạo 1)

- Đánh giá chung:

+ Ưu điểm:

– Được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát, thường xuyên của lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo, của cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương cùng sự kết hợp chặt chẽ của các đoàn thể trong nhà trường. Lực lượng giáo viên đa số đều nhiệt tình, tự giác khi tham gia các hoạt động giáo dục. Tất cả giáo viên tham gia giảng dạy đều hoàn thành chương trình tập huấn về Chương trình GDPT 2018 và tham gia tập huấn theo chương trình sách giáo khoa trường chọn giảng dạy.

– Đội ngũ cán bộ, giáo viên tham gia đề xuất lựa chọn SGK có tinh thần, thái độ làm việc nghiêm túc, có trách nhiệm cao. Mỗi cán bộ, giáo viên đều đã được nghiên cứu từng bộ sách và được công khai ý kiến, được bỏ phiếu kín để xuất lựa chọn SGK trên tinh thần dân chủ và tập trung trong các cuộc họp.

– Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình lớp 6 phù hợp với điều kiện thực tiễn của trường;

– 100% cán bộ quản lý, giáo viên hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo quy định của Bộ GD&ĐT. Nền nếp dạy học ổn định, tạo được sự chủ động, tự tin trong học tập cho học sinh đối với hầu hết các môn học, hoạt động giáo dục.

– Cha mẹ học sinh đồng lòng ủng hộ tạo được niềm tin trong nhân dân.

+ Tồn tại:

– Việc cung ứng sách giáo khoa cho chương trình GDPT 2018 còn chậm có thiết sót, hạn chế.

– Tài liệu giáo dục địa phương chưa kịp thời gian thực hiện từ đầu năm học.

– Công tác mua sắm thiết bị dạy học gặp khó khăn, nhà trường thiếu thiết bị dạy học tối thiểu, gặp khó khăn trong tổ chức dạy và học theo yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

– Một số khó khăn về cơ sở vật chất như: thiếu phòng học, phòng bộ môn, bàn ghế học sinh chưa đạt chuẩn. Việc phân bổ mua sắm bàn ghế chưa kịp thời.

2. Về đội ngũ giáo viên

- Công tác tuyển dụng, sử dụng đội ngũ giáo viên (*thống kê số lượng giáo viên theo từng cấp học, môn học, thừa, thiếu*).

TT	Cấp học	Môn học	Hiện có	Nhu cầu	Thừa	Thiếu
	THCS					
1		Toán	08	08	00	00
2		Khoa học tự nhiên	09	09	00	00
		<i>Vật lí</i>	04			

TT	Cấp học	Môn học	Hiện có	Nhu cầu	Thừa	Thiếu
		<i>Hóa học</i>	01			
		<i>Sinh học</i>	04			
3		Tin học	01	02	00	01
4		Công nghệ	04	04	00	00
		<i>Công nghiệp</i>	02			
		<i>Nông nghiệp</i>	02			
5		Ngữ văn	06	08	00	02
6		Lịch sử và Địa lí	04	05	00	01
		<i>Lịch sử</i>	02			
		<i>Địa lí</i>	02			
7		GDCD	02	00	00	00
8		Nghệ thuật	02	04	00	02
		<i>Âm nhạc</i>	01	02	00	01
		<i>Mĩ thuật</i>	01	02	00	01
9		GDTC	04	04	00	00
10		Ngoại ngữ	06	06	00	00
11		Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	00	00	00	00
12		Nội dung GDĐP	00	00	00	00
		Cộng	46	54	00	08

Bảng 2. Bảng thống kê số lượng giáo viên theo từng cấp học, môn học

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ quản lý, giáo viên:

+ Hiệu trưởng nhà trường có xây dựng kế hoạch và triển khai đến tổ chuyên môn, cá nhân CBQL, GV thực hiện nhằm nâng cao trình độ chuyên môn - nghiệp vụ.

+ Bồi dưỡng theo hình thức kết hợp trực tiếp và trực tuyến.

+ Đa dạng hoá hình thức bồi dưỡng, thông qua các lớp bồi dưỡng tập trung kết hợp với các sinh hoạt nhóm, tổ chuyên môn và tự bồi dưỡng của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; tổ chức hội thảo đơn vị trường, cụm trường; tổ chức tham quan học tập trao đổi kinh nghiệm quản lý, giảng dạy.

+ Kết hợp bồi dưỡng trong hè và tự bồi dưỡng trong năm học theo nhu cầu của giáo viên, của cơ sở giáo dục.

- Sự chủ động, sáng tạo của giáo viên trong việc thực hiện CT, SGK:

+ Giáo viên trẻ chủ động trong học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ

+ Chủ động kết hợp với sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn, vận dụng có hiệu quả các nội dung được bồi dưỡng trong quá trình tổ chức giảng dạy và học tập tại đơn vị.

- Đánh giá chung:

* Ưu điểm:

+ 100% GV tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn đạt chuẩn và trên chuẩn

+ 100% GV được đào tạo bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu giảng dạy chương trình GDPT 2018.

* Tồn tại:

+ Thiếu giáo viên ở các môn học mới ảnh hưởng tới chất lượng triển khai chương trình GDPT 2018;

+ Đối với đội ngũ giáo viên dạy học các môn tích hợp, dù đã có tập huấn, bồi dưỡng nhưng khó để đảm bảo chất lượng và khó để xã hội yên tâm khi giáo viên dạy môn này lại dạy môn khác.

3. Về cơ sở vật chất

- Đánh giá tình hình cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của trường trước khi triển khai CT, SGK mới:

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường đảm bảo đủ cho việc dạy học của giáo viên

- Kết quả đạt được về đầu tư, nâng cấp CSVC, thiết bị dạy học theo yêu cầu mới:

STT	Các hạng mục công trình	Số lượng								Nhu cầu đầu tư bổ sung	Nhu cầu kinh phí
		Năm 2019				Năm 2025					
		Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Nhờ, mượn tạm	Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Nhờ, mượn tạm		
a	b	c=d+e+g	d	e	g	h=i+k+l	i	k	l	m	n
1	Khối phòng học tập	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Phòng học trung học	25	22	03	00	29	22	07	0	07	07

STT	Các hạng mục công trình	Số lượng								Nhu cầu đầu tư bổ sung	Nhu cầu kinh phí
		Năm 2019				Năm 2025					
		Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Nhờ, mượn tạm	Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Nhờ, mượn tạm		
a	b	c=d+e+g	d	e	g	h=i+k+l	i	k	l	m	n
	Cơ sở										
1.3	Phòng học bộ môn cấp trung học cơ sở	00	00	00	00	03	01	02	0	02	02
2	Khối phòng hỗ trợ học tập	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2.1	Thư viện cấp trung học cơ sở	01	01	00	00	01	0	0	0	01	01

Bảng 3. Bảng thống kê về cơ sở vật chất

STT	Thiết bị	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu dạy học (%)		Nhu cầu mua sắm bổ sung TBDH	
		Năm 2019	Năm 2025	Số lượng	Giá dự toán (triệu đồng)
2	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp trung học cơ sở	100%	100%	62	6.268.100
4	Hệ thống bàn ghế học sinh	100%	100%	200	300.000.000
5	Thiết bị dạy học ngoại ngữ	100%	100%	0	0
6	Thiết bị dạy học tin học	100%	100%	0	0

Bảng 4. Bảng thống kê về thiết bị dạy học

- Đánh giá chung:

+ Ưu điểm:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp nhu cầu sử dụng, cơ bản đáp ứng yêu cầu của chương trình GDPT 2018.

+ Tồn tại:

Phòng học, phòng bộ môn, bàn ghế học sinh chưa đủ so với nhu cầu thực tế

của đơn vị khi triển khai chương trình GDPT 2018.

4. Về kinh phí

- Các văn bản tạo hành lang pháp lý cho việc bố trí, thanh quyết toán kinh phí thực hiện đổi mới CT, SGK.

+ Các văn bản cấp trên: Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ban hành chương trình giáo dục phổ thông mới (Chương trình GDPT 2018). Thông tư số 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 08 năm 2020 quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông. Quyết định số: 718/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 02 năm 2021 phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 6 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông. Công văn số 3699/BGDĐT-GDTrH 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2021-2022. Quyết định 1188/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của UBND Thành phố Quyết định về phê duyệt danh mục sách giáo khoa (SGK) lớp 2, lớp 6 và điều chỉnh bổ sung danh mục SGK lớp 1 trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2021-2022 trên địa bàn Thành phố;

Quyết định số 12913/QĐ-UBND, ngày 20/12/2024 của UBND huyện Củ Chi quyết định về giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 đối với các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện;

Công văn số 2858/UBND-TCKH, ngày 3/4/2025 của Phòng tài chính kế hoạch huyện Củ Chi về quyết toán niên độ ngân sách 2024;

- Về kinh phí: Đánh giá tình hình bố trí kinh phí cho đơn vị năm 2019, giai đoạn 2020-2025; năm 2025; đánh giá kết quả đáp ứng của các nguồn kinh phí so với nhu cầu thực tế. Trong đó đánh giá khả năng cân đối của các nguồn NSNN so với nhu cầu thực tế của đơn vị.

Giai đoạn 2019-2025 chi thường xuyên 53.950.000 đồng (trang bị SGK và thiết bị dạy học)

Năm 2020-2021 bồi dưỡng cho GV môn LSĐL và KHTN số tiền 79.000.000 đồng.

- Trách nhiệm của đơn vị trong việc bố trí kinh phí thực hiện đổi mới CT, SGK.

Thủ trưởng đơn vị đã tạo điều kiện thuận lợi nhất về thời gian, kinh phí đúng văn bản pháp lý, đúng quy định để CBQL-GV-NV được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Kết quả đạt được, khó khăn trong bố trí kinh phí và thực hiện giải ngân

S T T	Nội dung/ Nhiệm	Giai đoạn 2020-2025											
		Chi thường xuyên						Chi đầu tư					
		Tổng số	Ngân	Ngân sách	V	V	Nguồn	Tổng	Ngân	Ngân	Vốn	Vốn	Nguồn
	phí bố trí												
	GD THCS	0,13295		0,13295									
	Tỷ lệ đáp ứng nhu cầu (B/A) %	100%		100%									
	GD THCS	100%		100%									

Bảng 5. Bảng thống kê về kinh phí

* Đánh giá chung:

- Ưu điểm: Công tác tổ chức mua sắm thiết bị, SGK, tài liệu bổ trợ được thực hiện đúng quy trình, phục vụ kịp thời cho công tác giảng dạy chương trình

+ Thực hiện mua sắm thiết bị theo đúng Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở.

+ Giáo viên có sử dụng các đồ dùng dạy học tự làm khi lên lớp

+ Trường có riêng các Phòng bộ môn: Tin học, Âm nhạc, Mĩ Thuật phục vụ giảng dạy; có phòng thực hành thí nghiệm các môn: Khoa học tự nhiên, Công nghệ.

+ Trường đã trang bị đầy đủ 100% ti vi, máy tính bàn cho các lớp học;

+ Trang bị tài nguyên cho thư viện nhà trường theo đúng Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định Tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

+ 100% giáo viên, học sinh có đủ sách giáo khoa

- Tồn tại:

Thiếu phong học và phòng bộ môn theo quy định.

5. Về CT, SGK, tài liệu giáo dục địa phương

- Nhận xét, đánh giá về CT, SGK của từng môn học và hoạt động giáo dục; chỉ rõ ưu điểm, hạn chế, các giải pháp thực hiện và đề xuất.

5.1. Ngữ văn

*** Ưu điểm**

- Sách được biên soạn theo định hướng phát triển năng lực toàn diện cho học sinh, không chỉ chú trọng kiến thức mà còn rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe một cách tích hợp. Cấu trúc bài học có tính mở, tạo điều kiện cho giáo viên chủ động, linh hoạt trong việc thiết kế các hoạt động dạy học phù hợp với đối tượng học sinh và điều kiện thực tế của từng địa phương. Nội dung và ngữ liệu trong sách được lựa chọn đa dạng, gần gũi với cuộc sống và kinh nghiệm của học sinh ở nhiều vùng miền khác nhau, giúp các em dễ dàng kết nối và vận dụng kiến thức vào thực tế. Sách tích hợp các nội dung giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống, giáo dục tài chính, bảo vệ môi trường,... một cách tự nhiên và hiệu quả trong từng bài học.

- Hình ảnh trong sách đẹp, thực tế, hỗ trợ tối đa cho kênh chữ, giúp học sinh hứng thú và dễ dàng tiếp thu bài học.

- Các hoạt động học tập được thiết kế khoa học, khuyến khích học sinh tìm tòi, khám phá kiến thức mới, rèn luyện kỹ năng thực hành và vận dụng kiến thức. Hệ thống bài tập và câu hỏi đánh giá được thiết kế theo hướng phát triển năng lực, giúp giáo viên đánh giá chính xác sự tiến bộ của học sinh.

- Các dự án học tập ở cuối mỗi chủ đề giúp học sinh hình dung về các ngành nghề trong tương lai và phát triển năng lực hợp tác, làm việc nhóm. Sách được biên soạn theo tinh thần dễ dạy, kế thừa những ưu điểm và kinh nghiệm sư phạm của sách giáo khoa hiện hành.

*** Hạn chế**

Bộ sách Ngữ văn "Chân trời sáng tạo" lớp 6 bậc Trung học cơ sở, bên cạnh những ưu điểm chung của cả bộ sách, cũng tồn tại một số hạn chế đáng lưu ý:

a) Lớp 6

- Sự liên kết giữa chủ đề của bài học, các văn bản đọc và phần luyện tập viết đôi khi chưa thực sự rõ ràng, khiến học sinh khó nắm bắt được mạch kiến thức xuyên suốt.

- Một số văn bản được lựa chọn được cho là chưa phù hợp với lứa tuổi và khả năng tiếp nhận của học sinh lớp 6. Ví dụ, có ý kiến cho rằng việc đưa vào những câu thơ khó cảm thụ hoặc những từ ngữ Hán Việt phức tạp có thể gây khó khăn cho các em. Đã có những phản ánh về việc chú thích từ ngữ chưa rõ ràng ở một số văn bản trích, gây khó khăn cho cả giáo viên và học sinh trong quá trình tìm hiểu nghĩa. Việc lựa chọn một số ngữ liệu, ví dụ như cách sử dụng từ "vú" trong một văn bản, đã gây ra những tranh luận về tính nhạy cảm và sự phạm.

- Ở học kỳ 1, một số bài được đặt tên theo thể loại văn học một cách trực tiếp, có thể chưa tạo được sự hấp dẫn và khơi gợi hứng thú cho học sinh. Sự lặp lại cách đặt tên này ở học kỳ 2 có thể gây nhầm chán.

- Mặc dù sách có tính mở, nhưng điều này đồng nghĩa với việc giáo viên cần có năng lực sư phạm tốt và sự chủ động, sáng tạo cao trong việc thiết kế các hoạt động dạy học phù hợp với nội dung và đối tượng học sinh lớp 6.

- Việc đánh giá năng lực học sinh, đặc biệt là kỹ năng viết và cảm thụ văn học đối với các văn bản mới, có thể đòi hỏi nhiều thời gian và công sức của giáo viên trong việc lựa chọn ngữ liệu và xây dựng tiêu chí đánh giá phù hợp.

b) Lớp 7

- Mặc dù sách được thiết kế theo chủ đề, nhưng ở một vài bài học, sự kết nối giữa chủ đề chung, các văn bản đọc và hoạt động luyện tập (đặc biệt là viết) có thể chưa rõ ràng, khiến học sinh khó hình dung được mối liên hệ và ứng dụng kiến thức.

- Một số văn bản được lựa chọn có độ dài và độ phức tạp về ngôn ngữ, cấu trúc câu có thể vượt quá khả năng tiếp nhận của một bộ phận học sinh lớp 7, đặc biệt là những em có nền tảng văn học chưa vững chắc. Việc xuất hiện một số từ ngữ Hán Việt hoặc thuật ngữ văn học chưa được giải thích cặn kẽ có thể gây khó khăn cho học sinh trong quá trình đọc hiểu.

- Một số bài học đòi hỏi học sinh phải có khả năng phân tích, cảm thụ sâu sắc các yếu tố nghệ thuật và nội dung của văn bản, điều này có thể là thách thức đối với những em chưa phát triển tốt kỹ năng này.

- Mặc dù sách có nhiều hoạt động, nhưng một số hoạt động luyện tập viết hoặc nói - nghe đôi khi chưa thực sự tạo cơ hội cho học sinh phát triển kỹ năng một cách hiệu quả hoặc chưa đủ thời gian để thực hiện trên lớp.

- Sách có thể chưa có đủ các hoạt động và bài tập phân hóa theo trình độ và năng lực của học sinh, dẫn đến việc một số em cảm thấy quá dễ hoặc quá khó để theo kịp bài học. Việc đánh giá năng lực thực chất của học sinh, đặc biệt là khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn hoặc tạo ra sản phẩm cụ thể, vẫn còn là một thách thức đối với giáo viên khi sử dụng bộ sách này. Việc tìm kiếm ngữ liệu ngoài sách giáo khoa phù hợp cho kiểm tra cũng đòi hỏi nhiều thời gian.

- Đôi khi, sự kết nối giữa các bài học trong cùng một chủ đề hoặc giữa các chủ đề khác nhau chưa được thể hiện rõ ràng, có thể khiến học sinh khó xây dựng được một hệ thống kiến thức mạch lạc.

c) Lớp 8

- Mặc dù sách được xây dựng theo các chủ đề, nhưng ở một số bài học, mối liên hệ giữa chủ đề chung, các văn bản đọc và các hoạt động luyện tập (đặc biệt là viết và nói - nghe) chưa thực sự rõ ràng và xuyên suốt. Điều này có thể khiến học sinh khó nắm bắt được ý đồ sư phạm và sự thống nhất của bài học.

- Một số văn bản được lựa chọn có nội dung trừu tượng, mang tính triết lý hoặc lịch sử, có thể gây khó khăn cho học sinh lớp 8 trong việc tiếp cận và hiểu sâu sắc. Độ dài của một số văn bản cũng có thể là một thách thức đối với khả năng tập trung và đọc hiểu của học sinh. Việc sử dụng một số từ ngữ Hán Việt hoặc thuật ngữ văn học ít quen thuộc có thể cản trở quá trình đọc hiểu và cảm thụ văn bản của học sinh.

- Chương trình Ngữ văn lớp 8 đòi hỏi học sinh phải phát triển mạnh mẽ năng lực phân tích, so sánh, đánh giá và suy luận. Tuy nhiên, đôi khi sách chưa cung cấp

đủ sự hướng dẫn cụ thể và từng bước để hỗ trợ học sinh rèn luyện các kỹ năng này một cách hiệu quả đối với một số văn bản phức tạp.

- Mặc dù sách có nhiều hoạt động, nhưng một số hoạt động chưa thực sự tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức vào thực tế hoặc phát triển các kỹ năng mềm một cách rõ rệt. Các hoạt động nhóm đôi khi chưa phát huy hết hiệu quả tương tác và hợp tác.

- Sách có thể chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập đa dạng của học sinh với các trình độ khác nhau. Thiếu các bài tập và hoạt động mang tính nâng cao cho học sinh khá giỏi, đồng thời cũng có thể gây khó khăn cho học sinh yếu trong việc tiếp cận kiến thức cơ bản.

- Ở một vài chủ đề, sự kết nối giữa các bài học hoặc giữa các mạch kiến thức (đọc hiểu, tiếng Việt, viết, nói và nghe) chưa được thể hiện một cách logic và dễ hiểu, có thể gây khó khăn cho học sinh trong việc xây dựng bức tranh tổng thể về kiến thức. Việc đánh giá năng lực học sinh một cách toàn diện, đặc biệt là các kỹ năng như viết nghị luận, thuyết trình, tranh biện dựa trên các ngữ liệu ngoài sách giáo khoa, vẫn là một thách thức lớn đối với giáo viên. Việc xây dựng các tiêu chí đánh giá khách quan và phù hợp đòi hỏi nhiều thời gian và chuyên môn.

d) Lớp 9

- Mặc dù sách được cấu trúc theo chủ đề, nhưng ở một vài bài học, sự liên kết giữa chủ đề chung, các văn bản đọc và các hoạt động luyện tập (đặc biệt là viết và nói - nghe) có thể chưa được thể hiện một cách rõ ràng và hữu cơ. Điều này có thể khiến học sinh cảm thấy các phần trong một bài học chưa thực sự gắn kết.

- Một số văn bản được lựa chọn có nội dung mang tính triết lý, xã hội hoặc lịch sử sâu sắc, đòi hỏi học sinh lớp 9 phải có khả năng tư duy trừu tượng và vốn sống nhất định để tiếp cận và hiểu thấu đáo. Độ dài của một số trích đoạn văn học hoặc các bài nghị luận có thể thách thức sự tập trung và khả năng đọc hiểu sâu của một bộ phận học sinh. Việc sử dụng một số thuật ngữ văn học, từ ngữ Hán Việt cổ mà không được giải thích cặn kẽ có thể gây khó khăn cho học sinh trong quá trình đọc hiểu và phân tích.

- Chương trình Ngữ văn lớp 9 tập trung vào việc phát triển năng lực phân tích, đánh giá và tổng hợp các vấn đề văn học và xã hội. Tuy nhiên, đôi khi sách chưa cung cấp đủ sự hướng dẫn chi tiết và các bước cụ thể để hỗ trợ học sinh rèn luyện các kỹ năng này một cách hiệu quả đối với những văn bản phức tạp. Mặc dù sách có nhiều hoạt động, nhưng một số hoạt động luyện tập viết, nói và nghe đôi khi chưa thực sự tạo ra những tình huống giao tiếp và vận dụng kiến thức một cách tự nhiên và hiệu quả. Các hoạt động nhóm đôi khi chưa phát huy hết tiềm năng tương tác và hợp tác của học sinh.

- Sách có thể chưa có đủ các bài tập và hoạt động **phân hóa theo trình độ và năng lực** của học sinh, dẫn đến việc một số em cảm thấy quá dễ hoặc quá khó để theo kịp yêu cầu của bài học. Điều này đặc biệt quan trọng ở cuối cấp THCS, khi năng lực của học sinh có sự khác biệt lớn. Việc đánh giá năng lực thực chất của học sinh, đặc biệt là các kỹ năng như viết nghị luận xã hội, phân tích văn học mở rộng, thuyết trình và tranh biện dựa trên các vấn đề thực tế, vẫn là một thách thức đối với giáo viên. Việc lựa chọn ngữ liệu phù hợp và xây dựng các tiêu chí đánh giá khách quan, toàn diện đòi hỏi nhiều thời gian và chuyên môn.

- Ở giai đoạn cuối cấp THCS, việc củng cố và hệ thống hóa kiến thức đã học là rất quan trọng. Tuy nhiên, đôi khi sự kết nối giữa các chủ đề và các mạch kiến thức (đọc hiểu, tiếng Việt, viết, nói và nghe) chưa được thể hiện một cách rõ ràng, có thể gây khó khăn cho học sinh trong việc nhìn nhận bức tranh tổng thể của môn học.

*** Các giải pháp thực hiện**

a) Về phía nhà trường

- Tăng cường sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, tạo điều kiện để giáo viên trong tổ/nhóm chuyên môn cùng nhau nghiên cứu sách giáo khoa, phân tích bài học, chia sẻ kinh nghiệm thiết kế hoạt động, xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với đặc điểm học sinh của trường. Tổ chuyên môn cần hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học chi tiết, linh hoạt, có sự điều chỉnh phù hợp với trình độ và năng lực của học sinh từng lớp.

- Chú trọng việc khai thác kênh hình và các hoạt động trong sách: Hướng dẫn giáo viên cách khai thác hiệu quả kênh hình, các hoạt động khám phá, kết nối, thực hành, vận dụng trong sách để tạo hứng thú và phát triển năng lực cho học sinh.

- Tổ chuyên môn cần thống nhất về cách xây dựng các công cụ kiểm tra đánh giá đa dạng, phù hợp với định hướng phát triển năng lực, bao gồm cả đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ, chú trọng đến đánh giá quá trình và sản phẩm học tập của học sinh.

- Nhà trường cần tạo điều kiện để giáo viên và học sinh có môi trường học tập cởi mở, khuyến khích sự tương tác, hợp tác và chia sẻ trong quá trình dạy và học.

b) Về phía giáo viên:

- Giáo viên cần dành thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng sách giáo khoa, sách giáo viên và các tài liệu hướng dẫn khác để hiểu rõ mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học của từng bài. Giáo viên cần chủ động, sáng tạo trong việc thiết kế các hoạt động dạy học phù hợp với đặc điểm của từng lớp, từng đối tượng học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường. Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học tích cực như dạy học theo dự án, dạy học khám phá, dạy học hợp tác,... để phát huy tính chủ động, sáng tạo và hứng thú học tập của học sinh.

- Giáo viên cần dành thời gian hướng dẫn học sinh các kỹ năng đọc hiểu, phân tích các yếu tố nghệ thuật và nội dung của văn bản một cách bài bản. Sử dụng nhiều hình thức kiểm tra đánh giá khác nhau (ví dụ: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình, dự án,...) để đánh giá năng lực của học sinh một cách toàn diện.

- Giáo viên cần tích cực tham gia các buổi tập huấn, hội thảo, sinh hoạt chuyên môn và học hỏi kinh nghiệm từ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn và phương pháp giảng dạy. Tạo môi trường học tập thân thiện, cởi mở, lắng nghe và thấu hiểu những khó khăn của học sinh để có sự hỗ trợ kịp thời.

*** Đề xuất: Không**

5.2. Toán

*** Ưu điểm**

- Về hình thức: màu sắc hài hòa, trang nhã; kênh hình, kênh chữ rõ, đẹp; thiết kế phù hợp với tâm lí, lứa tuổi HS.

- Cấu trúc từng bài khá hợp lý. Từng phần đều có hướng dẫn chi tiết, cụ thể. Hệ thống bài tập được đầu tư nhằm phát triển tư duy học sinh.

- Về nội dung mỗi bài học trong sách giáo khoa với yêu cầu cần đạt trong Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 là phù hợp, chính xác, khoa học.

- Nhiệm vụ học tập trong các bài học bảo đảm được mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kết quả hoạt động của học sinh; bảo đảm cho giáo viên và học sinh khai thác hiệu quả nội dung, hình ảnh trong sách giáo khoa để tổ chức hoạt động dạy học.

- Phần khởi động đưa nhiều nội dung gắn liền với kiến thức thực tiễn liên quan đến nghệ thuật, kiến trúc, các vấn đề đời sống.

- Cuối mỗi bài có hệ thống nội dung kiến thức, kỹ năng cần đạt sau mỗi bài giúp HS được hệ thống và ghi nhớ các kiến thức trọng tâm của bài học.

* Hạn chế

+ Lớp 9

- Chương 3 và chương 4 (Phần Số và đại số): làm tròn số lúc thì sử dụng hàng phần 10, lúc thì chữ số thập phân thứ nhất.

- Bài tập cuối chương VI trang 23, BT 18 đề nghị bỏ vì liên quan đến kiến thức Hoá học gây khó khăn cho người dạy và người học.

+ Lớp 8

- Có một số HĐKP kiến thức được trình bày khó, HS mất nhiều thời gian trong hoạt động này, cụ thể là Bài 4, chương 8.

- Nội dung trọng tâm thì cho rằng dữ liệu trình độ tay nghề là loại dữ liệu định tính thể hiện sự hơn kém. Nhưng ở ví dụ 2 lại cho rằng trình độ tay nghề lại là dữ liệu định lượng. Có 3 nguồn gây mâu thuẫn cho học sinh:

1. Do học sinh đã học ở lớp 7 dữ liệu số là dữ liệu định lượng, nên xác định đây là dữ liệu định lượng.

2. Nội dung trọng tâm ở bài này cho rằng đây là dữ liệu định tính.

3. Ví dụ 2 cho rằng đây là dữ liệu định lượng.

- a) Phân loại các dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên hai tiêu chí định tính và định lượng.
 b) Trong số các dữ liệu định tính tìm được, dữ liệu nào có thể so sánh hơn kém?
 c) Trong số các dữ liệu định lượng tìm được, dữ liệu nào là số đếm?



Dữ liệu định tính được chia thành hai loại:

- Dữ liệu định danh là dữ liệu thể hiện cách gọi tên. Ví dụ: giới tính, màu sắc, nơi ở, nơi sinh, ...
- Dữ liệu biểu thị thứ bậc là dữ liệu thể hiện sự hơn kém. Ví dụ: mức độ hài lòng, trình độ tay nghề, khối lớp, ...

Dữ liệu định lượng nhận giá trị thực và được chia thành hai loại:

- Loại rời rạc là dữ liệu chỉ nhận hữu hạn giá trị hoặc biểu thị số đếm. Ví dụ: cỡ giày, số học sinh, số ngày công, số vật nuôi, ...
- Loại liên tục là dữ liệu có thể nhận mọi giá trị trong một khoảng nào đó. Ví dụ: chiều dài, khối lượng, thu nhập, thời gian, ...

Ví dụ 2. Cho các loại dữ liệu sau đây:

- Môn thể thao yêu thích của một số bạn học sinh lớp 8C: bóng đá, cầu lông, bóng chày, ...
- Chiều cao (tính theo cm) của một số bạn học sinh lớp 8C: 152,7; 148,5; 160,2; ...
- Xếp loại học tập của một số bạn học sinh lớp 8C: tốt, chưa đạt, đạt, khá, ...
- Điểm kiểm tra môn Toán của một số bạn học sinh lớp 8C: 5; 10; 8; 4; ...
- Trình độ tay nghề của các công nhân trong phân xưởng A gồm các bậc: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7.

- a) Tìm dữ liệu định tính và dữ liệu định lượng trong các dữ liệu trên.
 b) Trong số các dữ liệu định tính tìm được, dữ liệu nào có thể so sánh hơn kém?
 c) Trong số các dữ liệu định lượng tìm được, dữ liệu nào là rời rạc? Vì sao?

Giải

- a) Môn thể thao yêu thích và xếp loại học tập là các dữ liệu định tính.
 Chiều cao, điểm kiểm tra môn Toán và trình độ tay nghề là các dữ liệu định lượng.
 b) Trong số các dữ liệu định tính tìm được, chỉ dữ liệu xếp loại học tập có thể so sánh hơn kém.
 c) Trong số các dữ liệu định lượng tìm được thì điểm kiểm tra môn Toán của học sinh là rời rạc vì nó chỉ nhận hữu hạn giá trị.

Thực hành 2. Cho các loại dữ liệu sau đây:

- Danh sách một số loại trái cây: cam, xoài, mít, ...
- Khối lượng (tính theo g) của một số trái cây: 240; 320; 1 200; ...
- Độ chín của trái cây: rất chín, vừa chín, hơi chín, còn xanh, ...

93

+ Lớp 7

Điều chỉnh lại khái niệm dữ liệu định lượng sách giáo khoa toán 7 chân trời sáng tạo tập 1 bài 1 chương 5, không phải cứ số thực là dữ liệu định lượng.

Trong bảng dữ liệu trên:

- Các dữ liệu là số như: 12; 13; 14 được gọi là *dữ liệu định lượng*.
- Các dữ liệu không phải là số như: không thích; thích; rất thích; nam; nữ được gọi là *dữ liệu định tính*.



Để thuận tiện trong mô tả và xử lí, người ta thường phải phân loại dữ liệu.

Dữ liệu định lượng được biểu diễn bằng số thực.

Dữ liệu định tính được biểu diễn bằng từ, chữ cái, kí hiệu, ...

90

Ví dụ 2: Phân loại các dãy dữ liệu sau dựa trên các tiêu chí định tính và định lượng.

- a) Các loại xe ô tô được sản xuất: A; B; C; ...
 b) Chiều cao (tính theo cm) của một số bạn học sinh lớp 7C: 142; 148; 152; ...
 c) Danh sách các môn thể thao được học sinh yêu thích: bóng đá; cầu lông; bóng chày, ...
 d) Điểm trung bình môn Toán của một số bạn học sinh: 5,5; 6,5; 8,2; ...

+ Lớp 6

- Ở hoạt động sử dụng sàng Eratosthenes, ngoài hướng dẫn và định hướng cách thức thực hiện, SGK đã trình bày luôn kết quả, làm cho hoạt động của học sinh trở nên trùng lặp, không cần thiết vì kết quả đã có sẵn.

Bài 11 HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

Hoạt động 1. Lập bảng các số nguyên tố không vượt quá 100.

a) Hãy lập bảng các số nguyên tố không vượt quá 100 theo các hướng dẫn sau:

Lập bảng các số tự nhiên từ 1 đến 100 gồm 10 hàng, 10 cột như dưới đây.

- Gạch số 1.

- Giữ lại (đóng khung) số 2, gạch tất cả các số là bội của 2 mà lớn hơn 2.

- Giữ lại số 3, gạch tất cả các số là bội của 3 mà lớn hơn 3.

- Giữ lại số 5, gạch tất cả các số là bội của 5 mà lớn hơn 5.

- Giữ lại số 7, gạch tất cả các số là bội của 7 mà lớn hơn 7.

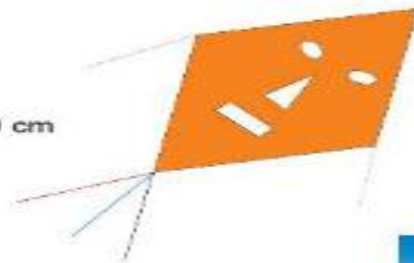
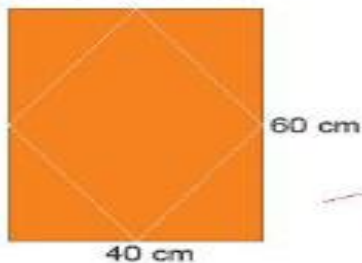
- Tiếp tục quá trình này cho đến khi tất cả các số được giữ lại hoặc bị gạch.

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
81	82	83	84	85	86	87	88	89	90
91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

- Các số được giữ lại là tất cả các số nguyên tố bé hơn 100. Hãy liệt kê các số này.

- Đề bài yêu cầu tính diện tích điều cắt ra từ tờ giấy hình chữ nhật, nhưng lại đưa hình ảnh điều trên đó có các chi tiết khác như mắt, mũi, miệng làm cho HS phân vân là làm thế nào để trừ các chi tiết này ra.

7. Để làm một con diều, bạn Nam lấy một tờ giấy hình chữ nhật có chiều dài 60 cm, chiều rộng 40 cm để cắt thành một hình thoi như hình bên dưới. Hãy tính diện tích của con diều.



- Thực hành 4 trang 87 đưa ra yêu cầu nhận xét, theo tài liệu hướng dẫn xây dựng KHBD thì HS phải trả lời được số đo là 180^0 , tuy nhiên phải qua bài sau đó thì mới giới thiệu thước đo góc và nhận xét số đo góc bẹt là 180^0 , nên hoạt động thực hành 4 thiết kế chưa mang lại hiệu quả ở bài dạy này.

Thực hành 4 Quan sát hai hình dưới đây. Em có nhận xét gì về \widehat{COD} và \widehat{zOt} ?

4. Điểm trong của góc

Em gấp đôi mảnh giấy hình vuông theo đường chéo (như Hình 6) để tạo thành các góc và lấy bút khoan một cung vào góc, vẽ một điểm M trong phần giấy vừa gấp. Điểm M cho ta hình ảnh **điểm trong** của góc nói trên.

Cho góc xOy khác góc bẹt. Điểm M được gọi là **điểm trong** của góc xOy không bẹt nếu tia OM cắt một đoạn thẳng nối hai điểm trên hai cạnh tại một điểm nằm giữa hai điểm đó.

Ví dụ 3: Trên Hình 7, M là điểm trong của xOy .

Thực hành 5 Điểm M trong hình sau là điểm trong của những góc nào?

Bài 7 Số đo góc. Các góc đặc biệt

Từ khóa: Thước đo góc; Cách đo góc; Số đo góc; Góc nhọn; Góc vuông; Góc tù; Góc bẹt.

Tớ nghĩ góc xOy nhỏ hơn 90° .
Tớ nghĩ góc này bằng 90° .
Theo em, bạn nào nói đúng?

1. Thước đo góc

Trong Hình 1 là thước đo góc được dùng để đo hoặc vẽ góc. Thước có dạng một nửa hình tròn và được chia thành 180 phần bằng nhau bởi các vạch được gọi từ 0 đến 180. Mỗi một phần của thước ứng với 1 độ. Dãy "thay cho từ "độ" (Ví dụ 1 độ được kí hiệu là 1°).

Độ là đơn vị đo góc.
Ta gọi tâm của nửa hình tròn này là **tâm của thước**.

2. Cách đo góc. Số đo góc

Dùng thước đo góc, xác định số đo của góc xOy cho trước.

- Bước 1: Ta đặt thước đo góc sao cho tâm của thước trùng với đỉnh O của góc.
- Bước 2: Xoay thước sao cho một cạnh của góc (chẳng hạn, cạnh Oy) đi qua vạch 0 của thước và thước chống lên phần trong của góc như Hình 2.
- Bước 3: Xác định xem cạnh còn lại của góc (cạnh Ox) đi qua vạch chỉ số nào trên thước đo góc, ta sẽ được số đo của góc đó.

Trên Hình 2, tia Ox đi qua vạch chỉ số 130, vậy góc xOy có số đo là 130° .
Ta viết $\widehat{xOy} = 130^\circ$.

Thực hành 1 Cho góc xOy như hình vẽ. Em hãy dùng thước đo góc đo góc xOy .

*** Các giải pháp thực hiện**

Cần điều chỉnh lại câu từ cho phù hợp tránh gây hiểu lầm.

Cần thống nhất trong yêu cầu làm tròn số.

Tìm hoạt động khởi động đơn giản hơn giúp HS dễ hiểu và mất ít thời gian.

*** Đánh giá chung**

Nhìn chung, bộ Sách giáo khoa “ Chân trời sáng tạo” khối 6,7,8,9 có:

+ Ưu điểm

- Các hoạt động trong Sách giáo khoa trong các bài học được sắp xếp khoa học, hợp lí, thể hiện rõ trọng tâm kiến thức.
- Nhiều hình ảnh trực quan, giúp học sinh dễ thực hiện các hoạt động.
- Các dạng bài tập tổng hợp ở cuối chương đã đảm bảo đầy đủ những kiến thức cơ bản.

+ **Tồn tại**

- Nên lồng ghép và tăng cường nhiều hơn các dạng bài tập mang tính giáo dục đạo đức học sinh.

- Vẫn còn các kiến thức chưa phù hợp đã nêu ở trên.

- Cần nêu rõ các kiến thức nào được sử dụng, hoặc không được sử dụng cụ thể, rõ ràng hơn.

5.3. Môn Tiếng anh

Bộ sách Tiếng anh I learn smart world lớp 6,7,8,9. Cả bộ có các ưu điểm sau:

*** Ưu điểm:**

- Sách có nhiều hoạt động nghe, nói, đọc, viết, phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất hiện đại.

- Sách có bản điện tử, giúp học sinh học tập mọi lúc mọi nơi.

- Sách có các bài tập đa dạng, phù hợp với học sinh có năng lực khác nhau.

- Sách có các hoạt động khuyến khích học sinh phát triển năng khiếu của bản thân.

- Sách hướng đến đổi mới phương pháp giảng dạy, học tập, kiểm tra - đánh giá.

- Sách có nhiều hoạt động khuyến khích học sinh học tập chủ động, sáng tạo.

*** Hạn chế:**

- Học sinh khó nắm được kiến thức văn hóa của thế giới và lịch sử Việt Nam.

- Phần speaking chưa đề cho học sinh sáng tạo.

- Đối với lớp 6 còn một vài điểm ngữ pháp hơi nặng.

- Bộ sách thiếu phần ngữ pháp câu bị động và thì hiện tại hoàn thành.

Các giải pháp thực hiện: Giáo viên phải chuẩn bị chu đáo về kiến thức văn hóa của thế giới cũng như trong nước.

*** Đề xuất:**

- Đưa phần ngữ pháp Câu bị động và Thì hiện tại hoàn thành vào chương trình 8 hoặc 9.

- Giảm phần lịch sử và văn hóa. Hướng HS đến học ngoại ngữ.

5.4. Môn KHTN

5.4.1. Khối 6,7: Bộ sách Chân trời sáng tạo

5.4.1.1 Ưu điểm:

- **Khơi gợi tư duy khoa học và năng lực giải quyết vấn đề:** Nội dung sách được thiết kế theo hướng phát triển **năng lực học sinh**, chú trọng đến các hoạt động khám phá, tìm hiểu, thực hành. Có nhiều câu hỏi “mở” và hoạt động trải nghiệm giúp học sinh suy nghĩ, đặt câu hỏi, và vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Mỗi bài học đều có đủ các hoạt động mở đầu, khám phá, luyện tập, vận dụng, giúp học sinh hình thành và phát triển kiến thức từng bước.

- **Trình bày sinh động, trực quan:** Hình ảnh đẹp, màu sắc hài hòa, minh họa rõ ràng giúp học sinh dễ tiếp thu kiến thức. Các sơ đồ tư duy, biểu đồ và hình vẽ khoa học hỗ trợ việc ghi nhớ và tổng hợp thông tin. Sách được trình bày theo tiến trình 5E (Engage – Explore – Explain – Elaborate – Evaluate), giúp học sinh học tập theo hướng tích cực, chủ động.

- **Chú trọng thực hành, thí nghiệm:** Có nhiều hoạt động thực hành phù hợp với điều kiện dạy học ở trường phổ thông. Các thí nghiệm được lựa chọn dễ triển khai, an toàn và mang tính ứng dụng cao.

- **Gắn kết thực tiễn:** Các tình huống học tập thường xuất phát từ đời sống, giúp học sinh thấy được ý nghĩa của kiến thức khoa học trong cuộc sống hàng ngày.

- **Tích hợp hiệu quả:** Các phân môn Vật lý, Hóa học, Sinh học được tích hợp theo chủ đề mạch lạc (chẳng hạn như “Chất”, “Năng lượng”, “Sinh vật”, “Môi trường”), giúp học sinh dễ hiểu và thấy được mối liên hệ giữa các lĩnh vực.

- **Phát triển năng lực học sinh:** Chương trình chú trọng rèn luyện các năng lực như quan sát, thực hành, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và sáng tạo.

- **Định hướng thực tiễn và STEM:** Nội dung chương trình thường xuyên gắn với các tình huống đời sống, có nhiều hoạt động khám phá, thí nghiệm, dự án học tập.

5.4.1.2 Hạn chế:

- **Tích hợp nội dung còn nặng, gây khó khăn cho học sinh**

Một số bài học có lượng kiến thức khá lớn, yêu cầu tư duy cao, gây **quá tải** cho học sinh ở các khối 6, 7, 8, 9.

Dù đã tích hợp nhưng vẫn còn hiện tượng “chồng chất kiến thức”, đặc biệt là

phần Hóa học, do lớp 7 là giai đoạn mới bắt đầu lĩnh vực này. Nhiều kiến thức trừu tượng (như nguyên tử, phân tử, liên kết hóa học...), học sinh lớp 7 khó nắm bắt hết trong thời lượng 1 tiết học.

Ví dụ:

Bài học: Phân tử - Đơn chất – Hợp chất

🎯 **Mục tiêu chính của bài học:**

- Hiểu được **khái niệm phân tử** là hạt nhỏ nhất của một chất, gồm từ **một hay nhiều nguyên tử** liên kết với nhau.

- Biết rằng **phân tử đặc trưng cho chất**, và có thể tồn tại độc lập.

- Giới thiệu một số **phân tử quen thuộc** như H_2 , O , CO_2 , O_2 , CH_4 ...

⚠️ **Khó khăn đối với học sinh**

* **Khái niệm trừu tượng, không quan sát được bằng mắt thường**

- Học sinh lớp 7 **chưa quen với tư duy vi mô**. Việc hiểu rằng phân tử là đơn vị nhỏ nhất của chất, tồn tại độc lập, rất khó hình dung nếu không có **hình ảnh, mô hình minh họa**.

Ví dụ: học sinh khó hiểu tại sao phân tử nước H_2O lại gồm 2 nguyên tử H và 1 nguyên tử O, liên kết với nhau.

* **Nhầm lẫn giữa phân tử và nguyên tử**

- Nhiều học sinh:

- Nhầm rằng **nguyên tử và phân tử là như nhau**.

- Không phân biệt được: **phân tử là tập hợp của nguyên tử**, còn nguyên tử là đơn vị cấu tạo nhỏ hơn.

Ví dụ: Học sinh có thể nghĩ rằng " H_2 là một nguyên tử hydrogen" trong khi thực ra đó là **một phân tử hydrogen gồm 2 nguyên tử H**.

* **Khó khăn trong việc đọc và hiểu công thức phân tử**

- Việc **đọc đúng và hiểu ý nghĩa** của công thức như CO_2 , H_2O , CH_4 còn rất khó với học sinh yếu – trung bình.

- Học sinh thường:

- Đọc sai (ví dụ: CO_2 đọc là "xê ô hai" nhưng không hiểu nghĩa).

- Không biết con số phía dưới (chỉ số) nói về **số nguyên tử mỗi nguyên tố**.

*** Chưa thấy rõ ý nghĩa thực tiễn của phân tử**

• Với học sinh lớp 7, việc học phân tử dễ mang tính “học thuộc” nếu giáo viên không liên hệ với đời sống (nước, không khí, khí gas...).

• Từ đó dẫn đến **giảm hứng thú học tập**, học sinh không hiểu bài học giúp ích gì cho thực tế.

• **Tích hợp chưa thực sự hiệu quả:** Một số nội dung vẫn mang tính rời rạc, chưa có sự kết nối chặt chẽ giữa ba phân môn, gây khó khăn cho giáo viên khi dạy tích hợp – đặc biệt với giáo viên chuyên một môn.

• **Thiếu tính liên kết giữa các phân môn ở một số bài:** Dù được tích hợp, nhưng vẫn có bài học mang tính "chia khúc", học sinh và giáo viên vẫn tiếp cận theo từng mảng môn học rời rạc (ví dụ: Sinh học học xong mới chuyển sang Vật lý).

• **Yêu cầu thực hành cao .**

• **Một số câu hỏi, bài tập còn chung chung:** Cần thêm các dạng bài gợi mở tư duy cao hơn, để phù hợp định hướng phát triển năng lực.

5.4.1.3 Các giải pháp thực hiện:

• **Thiết kế bài giảng theo hướng phát triển năng lực:** Giáo viên nên khai thác các hoạt động trong SGK một cách linh hoạt, thêm vào các trò chơi khoa học, mô hình minh họa phù hợp.

• **Tận dụng học liệu số: Sử dụng video thí nghiệm, mô phỏng ảo để hỗ trợ giảng dạy phần thí nghiệm trong điều kiện thiếu thiết bị.**

• **Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo nghiên cứu bài học: Giúp giáo viên chia sẻ cách tổ chức dạy học theo chủ đề hiệu quả hơn.**

5.4.1.4 Đề xuất:

• **Điều chỉnh phân phối chương trình hợp lý hơn:** Nên giãn thời lượng ở những bài có nhiều kiến thức trừu tượng hoặc cần thực hành.

• **Cần bổ sung tài liệu giáo viên:** Nên có thêm tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động dạy học, tổ chức thí nghiệm theo điều kiện cụ thể của từng trường.

• **Tăng cường kết nối phụ huynh – nhà trường:** Để giúp học sinh học tốt môn tích hợp, cần sự phối hợp với phụ huynh trong việc hỗ trợ học tập tại nhà, đặc biệt ở các hoạt động tìm hiểu thực tế.

5.4.2. Khối 8,9: Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống

5.4.2.1 Ưu điểm:

- Trình bày sinh động, trực quan: Hình ảnh đẹp, màu sắc hài hòa, minh họa rõ ràng giúp học sinh dễ tiếp thu kiến thức. Các sơ đồ tư duy, biểu đồ và hình vẽ khoa học hỗ trợ việc ghi nhớ và tổng hợp thông tin. Sách được trình bày theo tiến trình 5E (Engage – Explore – Explain – Elaborate – Evaluate), giúp học sinh học tập theo hướng tích cực, chủ động.

- Chú trọng thực hành, thí nghiệm: Có nhiều hoạt động thực hành phù hợp với điều kiện dạy học ở trường phổ thông. Các thí nghiệm được lựa chọn để triển khai, an toàn và mang tính ứng dụng cao.

- Gắn kết thực tiễn: Các tình huống học tập thường xuất phát từ đời sống, giúp học sinh thấy được ý nghĩa của kiến thức khoa học trong cuộc sống hàng ngày.

- Tích hợp hiệu quả: Các phân môn Vật lý, Hóa học, Sinh học được tích hợp theo chủ đề mạch lạc (chẳng hạn như “Chất”, “Năng lượng”, “Sinh vật”, “Môi trường”), giúp học sinh dễ hiểu và thấy được mối liên hệ giữa các lĩnh vực.

- Phát triển năng lực học sinh: Chương trình chú trọng rèn luyện các năng lực như quan sát, thực hành, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và sáng tạo.

- Định hướng thực tiễn và STEM: Nội dung chương trình thường xuyên gắn với các tình huống đời sống, có nhiều hoạt động khám phá, thí nghiệm, dự án học tập.

5.4.2.2 Hạn chế:

a. Nội dung còn nặng, đặc biệt ở lớp 8

- Lượng kiến thức khoa học ở lớp 8 khá lớn, trong khi thời lượng học tập hạn chế, khiến học sinh khó tiếp thu trọn vẹn nếu không có nền tảng tốt từ các lớp trước.

- Một số phần kiến thức có xu hướng nặng về lý thuyết, ít gợi mở, gây cảm giác khô khan với học sinh.

- Câu hỏi trong SGK còn ít.

b. Tích hợp chưa thật sự sâu và hiệu quả

- Tuy là môn tích hợp, nhưng phần Vật lý – Hóa học – Sinh học đôi khi vẫn thiếu sự liên kết rõ ràng, làm cho học sinh cảm thấy đang học "ba môn trong một cuốn sách", chứ chưa thật sự thấy được mối quan hệ giữa các lĩnh vực.

- Một số chủ đề tích hợp còn mang tính "gộp cơ học", chưa tạo ra trải nghiệm học tập liên thông, mạch lạc.

c. Một số thuật ngữ và khái niệm khoa học còn khó hiểu

- Có những phân sử dụng ngôn ngữ chuyên môn cao, ít giải thích sâu, khiến học sinh yếu hoặc trung bình khó tiếp cận.

- Đặc biệt ở các nội dung về cấu tạo chất, phản ứng hóa học, quy luật di truyền... cần được làm rõ và trực quan hơn.

d. Nội dung quá ngắn gọn

- Cụ thể ở Bài 10: Điện trở. Định luật ohm (Phần IV: Điện trở của dây dẫn phụ thuộc vào kích thước và bản chất của dây dẫn) môn KHTN 9 với nội dung quá ngắn gọn chỉ có tính chất thông báo công thức, học sinh chưa thấy được sự phụ thuộc của điện trở vào chiều dài, tiết diện và vật liệu làm dây.

e. Thí nghiệm

- Có quá nhiều thí nghiệm trong 1 nội dung bài học nhưng thời gian thì quá ngắn. Dụng cụ, thiết bị đáp ứng cho thí nghiệm chưa đủ.

5.4.2.2 Các giải pháp thực hiện:

- Thiết kế bài giảng theo hướng phát triển năng lực: Giáo viên nên khai thác các hoạt động trong SGK một cách linh hoạt, thêm vào các trò chơi khoa học, mô hình minh họa phù hợp.

- Tận dụng học liệu số: Sử dụng video thí nghiệm, mô phỏng ảo để hỗ trợ giảng dạy phần thí nghiệm trong điều kiện thiếu thiết bị.

- Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo nghiên cứu bài học: Giúp giáo viên chia sẻ cách tổ chức dạy học theo chủ đề hiệu quả hơn.

5.4.2.3 Đề xuất:

KHTN 9 (Bài 10: Nên đưa thêm nội dung sự phụ thuộc của điện trở của dây dẫn phụ thuộc vào kích thước và bản chất của dây dẫn cụ thể).

5.5. Môn LSDL

*** Về chương trình môn Lịch sử và Địa lí THCS**

- Tích hợp: Chương trình hiện nay (theo Chương trình GDPT 2018) tích hợp hai môn Lịch sử và Địa lí ở cấp THCS, tạo mối liên hệ giữa các kiến thức về thời gian (lịch sử) và không gian (địa lí), giúp học sinh hiểu rõ hơn về các vấn đề xã hội, tự nhiên.

- Phân hóa theo cấp độ: Nội dung được phân chia hợp lý theo lớp (6-9), từ cơ bản đến nâng cao, theo hướng phát triển năng lực, phẩm chất người học.

*** Về sách giáo khoa (SGK)**

- Tài liệu được thiết kế sinh động: SGK có hình ảnh, bản đồ, tư liệu minh họa rõ ràng, gần gũi với học sinh.

- Tích hợp kiến thức với thực tiễn: Nhiều bài học có liên hệ với cuộc sống, tình huống thực tế, hướng đến năng lực giải quyết vấn đề.

*** Về hoạt động giáo dục**

- Các hoạt động trải nghiệm, tìm hiểu di tích lịch sử, môi trường địa phương, hoặc các buổi ngoại khóa được đưa vào như một phần hỗ trợ phát triển năng lực thực hành, tư duy phản biện cho học sinh.

- Khuyến khích vận dụng CNTT, học liệu số, thuyết trình, dự án.

*** Ưu điểm**

- Tích hợp nội dung hợp lý giúp học sinh có cái nhìn tổng thể về sự phát triển lịch sử và địa lí.

- Phát triển năng lực người học: như tư duy phản biện, năng lực sử dụng bản đồ, đọc hiểu tư liệu, nghiên cứu tình huống.

- Thiết kế hiện đại, sinh động: Hình ảnh, màu sắc, trình bày rõ ràng, thân thiện.

- Định hướng thực tiễn cao: Nhiều bài có kết nối với tình hình địa phương, đất nước.

- Cấu trúc sách, bài học rõ ràng, cụ thể, dễ phân biệt các phần bằng logo của phần mở đầu, kiến thức mới, luyện tập, vận dụng, củng cố, đánh giá.

- Cách viết, trình bày rõ ràng, khoa học, gần gũi với học sinh lớp 7.

-Nội dung bố cục từng bài học trong sách giáo khoa có tính mở. Kết hợp hài hòa giữa kênh chữ và kênh hình, đặc biệt kênh hình giúp học sinh phát triển tư duy sáng tạo.

- Nội dung từng bài có sự gắn kết của địa lí đại cương với cuộc sống, giữa tiếp cận và kế thừa

- Sách có nhiều hình ảnh minh họa, sơ đồ, bản đồ giúp học sinh dễ hiểu và hứng thú hơn với bài học.

*** Hạn chế**

- Khối lượng kiến thức nhiều ở LSĐL 9 gây quá tải cho giáo viên và học sinh. LSĐL 8 lặp lại kiến quá trình xác lập chủ quyền nhiều. Lớp 8 (bài 14- phần Địa Lí) các em đã học các vùng biển Việt Nam lên lớp 9 các em lại học lại (bài 23-địa lí)

- Khó khăn trong giảng dạy: Giáo viên đôi khi chỉ mạnh một chuyên môn (Lịch sử hoặc Địa lí), khó đảm đương tốt cả hai mảng tích hợp.

*** Giải pháp thực hiện**

- Rà soát, tinh giản nội dung: Giảm lý thuyết hàn lâm, tăng tình huống ứng dụng thực tế.

- Phát triển hệ thống học liệu mở: Cung cấp thêm video bài giảng, tài nguyên số, mô hình thực hành.

- Khuyến khích phương pháp dạy học mới: Như dạy học dự án, STEM, dạy học theo trạm.

*** ĐỀ XUẤT**

- Tái cấu trúc lại việc tích hợp: Có thể tích hợp theo chủ đề (VD: Biến đổi khí hậu – xét cả góc nhìn địa lí và tác động lịch sử).

-Phát triển SGK kỹ thuật số (e-book): Tương tác, có bài tập tương tác, sơ đồ tư duy, bản đồ số.

- Nghiên cứu lộ trình tách môn khi cần thiết: Ở những khối lớp cao hơn nếu tích hợp không hiệu quả.

- Điều chỉnh nội dung phù hợp với khả năng tiếp thu của học sinh: Rà soát và điều chỉnh nội dung sách sao cho phù hợp với trình độ và khả năng tiếp thu của học sinh, tránh gây quá tải.

- Tăng cường tính tương tác và ứng dụng thực tế: Thiết kế các hoạt động học tập mang tính tương tác cao, liên hệ với thực tế cuộc sống, giúp học sinh phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy phản biện.
- Phát triển tài liệu hỗ trợ học sinh: Cung cấp thêm tài liệu học tập như video, bài giảng trực tuyến, ứng dụng di động để học sinh có thể học tập mọi lúc, mọi nơi.

5.6. Môn GD CD

*** Ưu điểm**

- Sách giáo khoa bộ môn GD CD sách chân trời sáng tạo: thiết kế có hình ảnh đẹp, tranh ảnh cụ thể, rõ ràng, sinh động, thu hút học sinh, bài giảng đỡ nhàm chán.
- Hình ảnh minh họa cho từng nội dung bài học rõ ràng, gần gũi.
- Liên hệ thực tế gần gũi, dễ hiểu.
- Nội dung từng phần rõ ràng, chuẩn kiến thức, kỹ năng, phù hợp, chính xác, khoa học theo chương trình GDPT 2018
- Các bài tập tình huống, câu hỏi, nhiệm vụ học tập trong các bài học bảo đảm được mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kết quả hoạt động của học sinh. Đảm bảo cho giáo viên và học sinh khai thác hiệu quả nội dung, hình ảnh SGK để tổ chức hoạt động dạy học.

*** Hạn chế**

- Phần nội dung ghi nhớ chưa thể hiện đề mục rõ ràng dựa theo yêu cầu cần đạt
- Câu hỏi cần khai thác rõ nội dung thông tin kiến thức để học sinh dễ nhận biết.

*** Đề xuất**

- Phần nội dung ghi nhớ cần thể hiện đề mục rõ ràng dựa theo yêu cầu cần đạt nhằm giúp học sinh dễ phân biệt từng nội dung một cách cụ thể, rõ ràng, dễ tiếp thu kiến thức

*** Đánh giá chung**

+ Ưu điểm

- Mục tiêu bài học rõ ràng, đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng.
- Mạch kiến thức, kỹ năng mỗi bài được xây dựng xuyên suốt trong quá trình học.

+ Tồn tại

Yêu cầu khá cao so với học sinh lớp 6, nhiều câu hỏi học sinh đại trà khó có thể trả lời được. Nội dung dài, nhiều hoạt động vì vậy khó có thể truyền đạt hết cho

học sinh trong thời gian một tiết học.

5.7. Môn Nhạc

* Ưu điểm:

- Chương trình giáo dục bộ môn Âm nhạc: Thông qua luyện tập, tìm hiểu các tác phẩm âm nhạc với nhiều hình thức và thể loại khác nhau,... mang lại cho học sinh những trải nghiệm phong phú, nhờ đó các em phát triển được vốn sống; có khả năng nhận biết cảm xúc, tình cảm, sở thích, cá tính và năng lực của bản thân; biết tự làm chủ để có hành vi phù hợp; có sự tự tin, tinh thần lạc quan trong học tập và đời sống; giúp người học có khả năng suy ngẫm về bản thân, tự nhận thức và điều chỉnh được những hạn chế của mình trong quá trình học tập và không ngừng học hỏi để tự hoàn thiện.

- Sách giáo khoa:

+ Phù hợp việc giáo dục chính trị tư tưởng, truyền thống, lí tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh Thành phố, giúp các em thấm nhuần, tự hào với văn hóa, truyền thống năng động, sáng tạo, tự hào là công dân của Việt Nam, sống có trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội.

+ Có kiến thức hiện đại, đáp ứng hội nhập, ứng dụng thực tiễn.

+ Có tính kế thừa văn hóa, phong tục, tập quán của người Việt Nam trên mọi miền đất nước.

+ Khuyến khích học sinh thực hành nghiên cứu khoa học, phát huy tính tích cực chủ động học tập, hình thành kĩ năng tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, giáo dục gợi mở; tạo cơ hội cho học sinh trải nghiệm, phát huy tối đa khả năng sáng tạo, chiếm lĩnh và vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

* Hạn chế:

Việc dạy và học mạch nội dung nhạc cụ giai điệu theo chương trình và SGK còn hạn chế do học sinh chưa trang bị đủ dụng cụ học tập.

* Các giải pháp thực hiện:

- Tiếp tục vận động, khuyến khích phụ huynh và học sinh trang bị đầy đủ các dụng cụ học tập của bộ môn (Nhạc cụ giai điệu).

- Giáo viên cho học sinh nghe và xem các video thực hành nhạc cụ giai điệu.
- Giáo viên cho học sinh thực hành đọc nhạc ở những bài thực hành nhạc cụ giai điệu.

*** Đề xuất:**

Tăng cường trang bị cơ sở vật chất/dụng cụ học tập (Nhạc cụ giai điệu) giúp học sinh học tập hiệu quả hơn, nâng cao chất lượng bộ môn.

5.8. Môn Mỹ thuật

*** Ưu điểm:**

- Chương trình Mỹ thuật THCS kế thừa từ chương trình Tiểu học, đảm bảo tính liên thông về mặt nội dung và phương pháp. Các bài học được sắp xếp theo từng chủ đề, các chủ đề đều định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

- Sách trình bày đẹp, hình ảnh phong phú, sinh động: Hệ thống hình ảnh minh họa trong SGK được đầu tư, mang tính trực quan cao, hỗ trợ hiệu quả cho việc giảng dạy và học tập.

- Nội dung SGK có tích hợp kiến thức liên môn của nhiều môn học khác, đồng thời nội dung đa dạng, gần gũi: SGK được biên soạn với nhiều chủ đề gần gũi với đời sống, giúp học sinh dễ tiếp cận và ứng dụng vào thực tiễn.

- Tích hợp giáo dục đạo đức, giá trị văn hóa: Thông qua các bài học về nghệ thuật dân gian, văn hóa truyền thống, học sinh được bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước.

*** Hạn chế:**

- Khối lượng kiến thức còn dàn trải: Một số bài học chứa nhiều nội dung, gây quá tải cho học sinh trong thời lượng tiết học hạn chế.

- SGK vẫn còn mang tính đại trà, ít đề cập đến đặc điểm văn hóa địa phương, chưa tạo điều kiện cho giáo viên điều chỉnh nội dung phù hợp với thực tiễn vùng miền.

- Một số bài học mang tính khô cứng: Vẫn còn bài học thiên về lý thuyết, ít hoạt động sáng tạo hoặc chưa thu hút được sự hứng thú từ học sinh.

*** Các giải pháp thực hiện:**

- Có thể thay đổi hình thức thể hiện bằng vẽ màu hoặc chì, hoặc các bài thực hành yêu cầu nguyên vật liệu khó tìm, khó làm bằng các vật liệu thay thế dễ tìm

hiều hơn.

- Khuyến khích dạy học linh hoạt, điều chỉnh nội dung phù hợp với điều kiện thực tế, vùng miền, đặc điểm học sinh.

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm: Tăng cường các hoạt động ngoại khóa như vẽ tranh ngoài trời, tham quan bảo tàng, triển lãm mỹ thuật để tạo hứng thú cho HS.

- Phát huy công nghệ thông tin: Ứng dụng công nghệ trong dạy học Mỹ thuật như trình chiếu video, sử dụng phần mềm vẽ để tăng tính hấp dẫn và hiệu quả.

*** Đề xuất:**

Tổ chức thêm các sân chơi mỹ thuật: Phát động cuộc thi, ngày hội mỹ thuật nhằm tạo môi trường phát triển năng lực thẩm mỹ cho học sinh.

5.9. Tin học

*** Ưu điểm:**

Sách được in màu, trình bày rõ ràng chi tiết, rất phù hợp cho giáo viên học sinh và cả phụ huynh

Nội dung phong phú với các phần mềm hữu ích

*** Hạn chế:**

Vì trình bày chi tiết và nhiều kiến thức trong một tiết học nên bài quá dài, lý thuyết nhiều, nhưng thời lượng thực hành ít, thời lượng cho bộ môn ít, đã vậy còn học nhiều phần mềm trong 1 học kì, kiến thức chưa được khắc sâu nên đến năm sau thì phải nhắc lại kiến thức cũ vì các em không nhớ bài năm trước.

*** Các giải pháp thực hiện:**

Tăng cường đưa bài lên trang Web của giáo viên, hướng dẫn các bài thực hành trên trang LMS 360

*** Đề xuất:**

Rất mong được tăng thời lượng và giảm lý thuyết, không nên cho học quá nhiều phần trong năm học

Lớp 6:

– Chủ đề A, B hoặc chuyển lên lớp 9. Các em học lớp 6 có em đến hỏi: “Cô ơi sao con học Tin học mà ít vào phòng máy vậy cô?”.

– Để các em thạo với Word và truy cập thông tin trên Internet ở học kì 1.

– Để tăng thời lượng thực hành các em lớp 6 cần thạo về kỹ năng xử lý Word và bàn phím hơn vì dạy theo chương trình lớp tiếp nối kiến thức ở lớp sau thì khi đến phần học phải nhắc lại rất mất thời gian, chỉ bằng lớp 6 các em xử lý văn bản, bảng biểu, Word Art... thành thạo thì đến phần sau đỡ tốn thời gian phải nhắc lại.

– Học kì 2 cho các em học về lập trình Scratch, làm quen và phát hiện năng khiếu, vì lớp 8 là đã có các cuộc thi về Lập trình, theo chương trình thì lớp 6 các em chỉ làm quen, lớp 7 thì không được nhắc tới khi lên lớp 8 thì có các cuộc thi thì ít học sinh đủ kiến thức để tham gia các hội thi.

Lớp 7

– Các em học Excel và bài trình chiếu nhiều chút, để lên lớp 8 các em tạo các bài trình chiếu cho các bài tập của các môn khác.

– Các em cần có thời gian nhớ chắc về các hàm cơ bản, cần thời gian làm các bài tập nhiều hơn. Kết thúc lớp 7 các em có thể tự tin hoàn thành bảng chi tiêu hàng tháng của gia đình.

– Tiếp tục các kỹ năng lập trình chuẩn bị cho lớp 8 tham gia các hội thi của trường tổ chức

Lớp 8

– Thêm vài hàm trong Excel củng cố kiến thức cũ

– Đi sâu vào lập trình ở HK1, sang HK2 các phần về xử lý ảnh, video

Lớp 9

– Hướng dẫn tạo sản phẩm stem đơn giản

– Các phần mềm mô phỏng, video

– Sau 3 năm tiếp cận máy tính thì giờ đây các em tìm hiểu về các thành phần máy tính, kết nối mạng, dữ liệu trong máy tính

5.10. Công nghệ

* Ưu điểm:

- Nội dung SGK gắn với thực tiễn có tính kế thừa, sáng tạo. Các bài học tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên tổ chức các hoạt động gắn với thực tiễn.

- Hình ảnh ngôn ngữ phù hợp gắn gũi với cuộc sống hằng ngày của học sinh phù hợp với đặc trưng của môn học.

- Các bài học thiết kế dễ dàng cho học sinh dễ sử dụng, kiến thức được chia theo mảng giúp giáo viên dễ xây dựng các tiết củng cố ôn tập theo chủ đề.

- Nội dung SGK có tính tích hợp kiến thức liên môn gắn với thực tiễn giúp phát huy tối đa năng lực của người học.

- Bài ôn tập có sử dụng sơ đồ tư duy để tổng hợp kiến thức giúp học sinh dễ hiểu.

- Các yêu cầu của mỗi hoạt động trong SGK tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên đánh giá mức độ đạt được về năng lực, phẩm chất của học sinh

*** Hạn chế:**

Bài 9: Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình. Phần bài luyện tập tính điện năng tiêu thụ một số đồ dùng điện và tính tiền điện quá khó so với độ tuổi học sinh lớp 6.

*** Các giải pháp:**

- Đối với nội dung khó bài 9 GV dành nhiều thời gian phân nội dung khó để giảng giải kỹ và chậm cho học sinh. GV hướng dẫn ví dụ cụ thể để các em làm tương tự.

- GV phân ra từng bước nhỏ từ dễ đến khó để học sinh dễ dàng vận dụng làm theo.

*** Đề xuất: Không**

5.11. GDTC

*** Ưu điểm:**

- Môn Giáo dục thể chất giúp học sinh tiếp tục củng cố và phát triển các kỹ năng chăm sóc sức khỏe, vệ sinh thân thể và vận động cơ bản, thói quen tập luyện và kỹ năng thể dục thể thao; nếp sống lành mạnh, hoà đồng và trách nhiệm; ý thức tự giác, tích cực vận dụng những điều đã học để tham gia các hoạt động thể dục, thể thao; bồi dưỡng năng khiếu thể thao.

- Các nhiệm vụ học tập trong mỗi bài học, hoạt động giáo dục hướng đến việc giáo dục các giá trị sống, phát triển khả năng nhận thức, kỹ năng tư duy, rèn khả năng tích hợp, vận dụng kiến thức mới.

- Hình ảnh, ngôn ngữ và các tư liệu sử dụng trong SGK chuẩn mực, khoa học, hiện đại;

- Các chủ đề/ bài học trong SGK đều đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng cần đạt, tạo điều kiện thuận lợi cho GV tổ chức hoạt động dạy học Giáo dục thể chất lớp gắn với thực tiễn.

- Các bài học trong SGK chú trọng đến việc rèn tính chủ động, sáng tạo, phát huy khả năng tư duy độc lập, vận dụng kiến thức nhằm phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh.

- SGK viết giúp GV kế thừa được tính ưu việt của các hình thức và phương pháp dạy học tích cực đã thực hiện đổi mới thành công trong những năm qua.

*** Hạn chế:**

- Chủ đề Chạy cự ly ngắn (100m) sân tập của nhà trường không đảm bảo đủ cự ly 100m.

- Bãi tập của trường chật hẹp, thiếu bóng mát để hoàn thành các yêu cầu của chủ đề chạy cự ly trung bình.

*** Các giải pháp thực hiện:**

- Giáo dục nâng cao nhận thức về vị trí và vai trò của bộ môn GDTC trong đơn vị. Thường xuyên tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng và lợi ích của bộ môn GDTC trong các hoạt động hội thao TDTT cũng như trong các buổi sinh hoạt tập thể.

- Đảm bảo cơ sở vật chất, phương tiện chuyên môn phục vụ công tác GDTC: Đầu tư, nâng cấp, xây dựng thêm sân bãi nhằm đa dạng hóa nội dung môn học, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập và rèn luyện cho các em sinh. Thường xuyên tiến hành duy tu, bảo trì, bảo dưỡng nhằm đảm bảo sự an toàn và vệ sinh của cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy, học tập và rèn luyện TDTT của học sinh. Trang bị đầy đủ, mới và hiện đại về dụng cụ và trang thiết bị tập luyện các môn thể thao phù hợp cho học sinh.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ giáo viên GDTC. Tham gia các khóa học, tập huấn chuyên môn, chuẩn hóa trình độ...

*** Đề xuất:**

Tăng cường đồng bộ về cơ sở vật chất, diện tích sân chơi bãi tập để từ đó cơ sở vật chất sẽ được đầy đủ hơn giúp cho việc giảng dạy của giáo viên và sự tham gia tập luyện trong và ngoài giờ của các học sinh được thường xuyên hơn.

5.12. HDTN-HN

**** Ưu điểm***

- Về hình thức: màu sắc hài hòa, trang nhã; kênh hình, kênh chữ rõ, đẹp; thiết kế phù hợp với tâm lí, lứa tuổi HS.

- Chương trình Hoạt động trải nghiệm được thiết kế thống nhất từ lớp 6 đến lớp 9, có tính kế thừa và phát triển liên tục, phù hợp với lứa tuổi THCS.

- Cấu trúc từng bài khá hợp lý. Từng phần đều có hướng dẫn chi tiết, gợi ý cụ thể.

- Về nội dung mỗi bài học trong sách giáo khoa với yêu cầu cần đạt trong Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 là phù hợp, chính xác, khoa học.

- Thông qua các bài học, học sinh hình thành được các năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp. Phát triển các phẩm chất như: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, tự chủ tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Nhiều hoạt động mở, khuyến khích học sinh chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc, rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, hợp tác nhóm....

**** Hạn chế***

+ Lớp 9

- Một số hoạt động trong sách còn đơn điệu, chưa thực sự hấp dẫn hoặc phù hợp với mọi đối tượng học sinh.

- Một số nội dung chưa có hướng dẫn cụ thể về cách tổ chức hoạt động, gây khó khăn cho giáo viên trong quá trình triển khai.

+ Lớp 8

- Mỗi tiết học thường thực hiện vài nhiệm vụ, nên đôi khi giáo viên chưa đủ thời gian để giáo dục kĩ một vấn đề.

+ Lớp 7

- Một vài chủ đề chưa cụ thể hóa được các hoạt động trải nghiệm thực tế, đặc biệt ở khu vực nông thôn hoặc vùng khó khăn

+ **Lớp 6**

- Có phần chưa thật sự hấp dẫn hoặc thiếu chiều sâu trải nghiệm thực tế.
- Một vài bài thiết kế hoạt động chưa phù hợp hoặc còn trùng lặp ý tưởng.

* **Các giải pháp thực hiện**

- Bổ sung các hoạt động phong phú hơn, phù hợp với nhiều đối tượng học sinh, nhằm tăng tính hấp dẫn và hiệu quả giáo dục.
- Thêm phần hướng dẫn cụ thể về cách tổ chức các hoạt động, giúp giáo viên dễ dàng triển khai và đạt hiệu quả cao trong giảng dạy.

* **Đánh giá chung**

Nhìn chung, bộ Sách giáo khoa “Chân trời sáng tạo” khối 6,7,8,9 có:

+ **Ưu điểm**

- Các hoạt động trong Sách giáo khoa trong các bài học được sắp xếp khoa học, hợp lí, thể hiện rõ trọng tâm kiến thức.
- Nhiều hình ảnh minh họa trực quan, giúp học sinh dễ thực hiện các hoạt động.

+ **Tồn tại**

- Một vài bài thiết kế hoạt động chưa phù hợp hoặc còn trùng lặp ý tưởng.
- Một vài chủ đề chưa cụ thể hóa được các hoạt động trải nghiệm thực tế, đặc biệt ở khu vực nông thôn hoặc vùng khó khăn
- Mỗi tiết học thường thực hiện vài nhiệm vụ, nên đôi khi giáo viên chưa đủ thời gian để giáo dục kĩ một vấn đề.

+ **Đề xuất**

- Cần lồng ghép các tình huống thực tế gần gũi hơn với học sinh THCS.
- Cần tăng cường thêm các hoạt động cụ thể trong mạch nội dung Hoạt động hướng vào bản thân.
- Cần tích hợp nội dung liên quan đến các môn học khác để giúp học sinh thấy được mối liên hệ giữa các kiến thức và áp dụng vào thực tế.

5.13. Về tài liệu giáo dục địa phương (GDĐP)

Trường sử dụng tài liệu GDĐP khối 6,7,8,9 Do sở GDĐT TPHCM biên soạn

- Đánh giá chung

* **Ưu điểm**

+ Nội dung GDĐP bồi dưỡng cho học sinh tình yêu quê hương, ý thức tìm hiểu và vận dụng những điều đã học trong nhà trường với những vấn đề đặt ra ở địa phương, cộng đồng, giúp học sinh hòa nhập với môi trường đang sinh sống, có trách nhiệm hơn trong việc tìm hiểu, gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa của quê hương, đất nước để góp phần bảo tồn những giá trị văn hóa của cộng đồng dân cư các dân tộc ở địa phương, xây dựng văn hóa, kinh tế - xã hội của địa phương ngày càng phát triển.

+ Các chủ đề trong chương trình môn GDĐP có nội dung hay thiết thực tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên tổ chức các hoạt động gắn với thực tiễn cho mỗi chủ đề.

+ Hình ảnh ngôn ngữ phù hợp gắn gũi với cuộc sống hằng ngày của học sinh phù hợp với đặc trưng của môn học.

+ Các bài học thiết kế dễ dàng cho học sinh dễ sử dụng, kiến thức được chia theo mảng giúp giáo viên dễ xây dựng các tiết củng cố ôn tập theo chủ đề.

+ Nội dung chương trình môn GDĐP có tính tích hợp kiến thức liên môn gắn với thực tiễn giúp phát huy tối đa năng lực của người học.

*** *Tồn tại:***

+ Một số nội dung GDĐP và HĐTNHN giống nhau.

*** *Các giải pháp:***

+ Đối với GV sẽ tìm thông tin trên mạng xã hội các video clip của các chủ đề liên quan trong chương trình học và liên hệ thực tế để hướng dẫn các em làm bài.

+ Đối với học sinh GV giới thiệu cho các em một số trang thông tin tìm kiếm tư liệu cho từng chủ đề học, giúp các em có thêm kiến thức để làm bài.

6. Về tổ chức thực hiện dạy học tại cơ sở giáo dục

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục đều có xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục năm học, chương trình GDPT 2018 theo lộ trình.

- Đổi mới phương pháp dạy học trong đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức;

tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực.

- Đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh thực hiện theo Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trung học cơ sở

- Hỗ trợ giáo viên: Cách đánh giá mới này yêu cầu HS phải học đều ở các môn, không học lệch, chỉ tập trung một số môn, môn có điểm trung bình cao sẽ bù cho môn có điểm trung bình thấp, phân biệt môn chính môn phụ.

- Kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm triển khai sau từng năm học. Theo TT 22 định không cần tính điểm trung bình chung tất cả các môn, không phân biệt môn chính, môn phụ, đánh giá không còn loại yếu, kém, không so sánh học sinh này với học sinh khác...

- Bỏ phân biệt môn chính, môn phụ sẽ hạn chế được việc coi trọng môn, hạn chế học lệch, cũng như có thể hạn chế dạy thêm, học thêm tràn lan như hiện nay.

- Đánh giá chung

+ Ưu điểm: Cách đánh giá mới này yêu cầu HS phải học đều ở các môn, không học lệch, chỉ tập trung một số môn, môn có điểm trung bình cao sẽ bù cho môn có điểm trung bình thấp, phân biệt môn chính môn phụ.

+ Tồn tại: không

7. Về xã hội hóa giáo dục, công tác truyền thông

Việc lựa chọn sách giáo khoa được thực hiện theo quy trình chặt chẽ quy định tại các thông tư, tôn trọng và phát huy trí tuệ giáo viên, tạo điều kiện cho giáo viên chủ động lựa chọn sách giáo khoa phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và điều kiện tổ chức giảng dạy tại địa phương. Quá trình lựa chọn sách giáo khoa giúp nhà trường năng động hơn, trách nhiệm hơn đối với hoạt động dạy và học tại địa phương, cơ sở giáo dục của mình.

8. Kết quả đạt được

a) Đối với cấp trung học cơ sở

- Kết quả rèn luyện phẩm chất của học sinh

+ Kết quả đạt được

Năm học	Khối lớp	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
2021-2022	Lớp 6	234	02	00	00
2022-2023	Lớp 6	320	00	00	00
	Lớp 7	228	06	00	00
2023-2024	Lớp 6	340	00	00	00
	Lớp 7	319	01	00	00
	Lớp 8	228	00	00	00
2024-2025	Lớp 6				
	Lớp 7				
	Lớp 8				
	Lớp 9	221	00	00	00

Bảng 6. Bảng thống kê kết quả rèn luyện phẩm chất của học sinh

+ Đánh giá về việc thực hiện rèn luyện phẩm chất của học sinh, so sánh với giai đoạn trước:

Việc rèn luyện phẩm chất của học sinh căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, so với giai đoạn trước giáo viên đánh giá đạo đức học sinh theo kết quả học tập của học sinh.

- Kết quả học tập của học sinh

+ Kết quả đạt được:

Năm học	Khối lớp	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
2021-2022	Lớp 6	83	106	47	
2022-2023	Lớp 6	97	138	82	03
	Lớp 7	75	113	43	03
2023-2024	Lớp 6	99	152	87	02
	Lớp 7	112	133	72	03
	Lớp 8	82	100	45	01
2024-2025	Lớp 6				
	Lớp 7				
	Lớp 8				
	Lớp 9	85	103	33	00

Bảng 7. Bảng thống kê kết quả học tập của học sinh trung học

+ So sánh về kết quả học tập của học sinh với giai đoạn trước:

Kết quả học sinh theo TT 22 yêu cầu học sinh phải học đều các môn, không cần tính điểm trung bình chung tất cả các môn, không phân biệt môn chính, môn phụ, đánh giá không còn loại yếu, kém, không so sánh học sinh này với học sinh khác

Cách đánh giá mới này yêu cầu HS phải học đều ở các môn, không học lệch, chỉ tập trung một số môn, môn có điểm trung bình cao sẽ bù cho môn có điểm trung bình thấp, phân biệt môn chính môn phụ.

- Bỏ phân biệt môn chính, môn phụ sẽ hạn chế được việc coi trọng môn, hạn chế học lệch, cũng như có thể hạn chế dạy thêm, học thêm tràn lan như hiện nay.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Hệ thống sách giáo khoa phong phú, đa dạng đã tạo điều kiện cho học sinh, giáo viên lựa chọn các bộ sách phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội, đặc điểm vùng miền, nhận thức của học sinh thay vì cả nước dùng chung một bộ sách như trước đây.

- Việc đa dạng sách giáo khoa đã giúp giáo viên có thêm tài liệu dạy học phong phú hơn. Dù trường chỉ chọn một bộ sách để dạy nhưng giáo viên có thể tham khảo thêm các sách giáo khoa khác để làm “giàu” thêm cho bài giảng của mình, lựa chọn những nội dung phù hợp với bài giảng.

2. Hạn chế

- Việc đa dạng sách giáo khoa gây trở ngại cho học sinh khi chuyển trường.

- Việc giá sách giáo khoa cao gây khó khăn cho Cha mẹ học sinh

3. Nguyên nhân và giải pháp

Do việc đa dạng sách giáo khoa, hiệu trưởng chỉ đạo thư viện nhà trường hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn mượn sách giáo khoa.

Hiệu trưởng nhà trường vận động học sinh tặng sách giáo khoa đã qua sử dụng cho Thư viện trường

4. Bài học kinh nghiệm

Thư viện nhà trường trang bị đủ các đầu sách giáo khoa để giáo viên có thể tham khảo thêm các sách giáo khoa khác để làm “giàu” thêm cho bài giảng của mình, lựa chọn những nội dung phù hợp với bài giảng.

Tranh thủ mọi nguồn lực xã hội hóa, tận dụng mọi nguồn lực trong xã hội để giúp nhà trường có trang thiết bị dạy học tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng dạy – học.

IV. ĐỊNH HƯỚNG TRONG THỜI GIAN TIẾP THEO

- Thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của lãnh đạo ngành;
- Tiếp tục tận dụng mọi nguồn lực xã hội hóa để giúp nhà trường có trang thiết bị dạy học tốt hơn, góp phần nâng cao chất lượng dạy – học;
- Thực hiện PPDH tích cực: tích cực hóa hoạt động học tập; chú trọng tổ chức hoạt động học nhằm hình thành và phát triển năng lực tự học cho học sinh; thực hiện phương châm “Học qua làm”;
- Nâng cao vai trò của giáo viên trong tham gia xây dựng phân phối chương trình, cùng nhà trường và tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học;
- Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ chuyên môn trong việc xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học và tổ chức triển khai thực hiện;
- Tham mưu với các ban ngành, lãnh đạo địa phương đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đội ngũ giáo viên, kinh phí.. để thực hiện Chương trình GDPT 2018.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ: không

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (thông qua Phòng GDĐT);
- Lưu: VT, CM.